

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày 02/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Ngọc Long;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy và bà Phạm Thị Lan Anh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự Th lý số 04/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 **theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với:**

Lục Văn Th, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1994 tại: Huyện V B, tỉnh L C. Nơi cư trú: Tổ N T, huyện V B, tỉnh L C; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Không; con ông: La Văn Th (đã chết). Bố dượng Lục Văn Đ, sinh năm 1977; Con bà Vương Hồng T, sinh năm 1977. Vợ La Thị S, sinh năm 1992 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 13 ngày 19/3/2019, của Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2019. Hiện chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2020 đến ngày 22/12/2020. Tạm giam từ ngày 22/12/2020 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Bị hại: Anh Lương Văn N, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn Tr T, xã Kh Y Tr, huyện V B, tỉnh L C. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Th Y N, xã A Th, huyện V Y, tỉnh Y B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 15/12/2020, Lục Văn Th, đi bộ một mình từ xã Kh Y Tr về thị trấn Kh Y. Khi đi qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã Kh Y Tr khoảng 300m thì thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 24B1 – 938.47 màu xanh bạc của anh Lương Văn N, sinh năm 1991, dừng ở lề đường bên trái, đầu xe quay về hướng thị trấn Kh Y, trước lán nhà anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1995. Th thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, quan sát xung quanh không thấy có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên, Th đi lại gần rồi dắt chiếc xe đi về hướng thị trấn Kh Y khoảng 10m, sau đó nổ máy rồi điều khiển xe về giấu ở bụi chuối gần nhà, Th mở cốp xe kiểm tra thì thấy bên trong có 01 đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Lương Văn N. Khoảng 06 giờ ngày 16/12/2020, Th một mình điều khiển chiếc xe xuống xã A Th, huyện V Y, tỉnh Y B, bán cho anh Phạm Văn H, sinh năm 1988 với giá 17.000.000đ. Sau đó Th bắt xe Taxi đi về V B mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, màu đen, loại 128G trị giá 3.300.000đ, trả tiền xe và tiêu sài cá nhân hết 8.200.000đ. Đến chiều ngày 16/12/2020, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Th đã đến Công an huyện V B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp: 01 giấy phép lái xe mang tên Lương Văn N; 5.500.000 đ và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A53, màu đen, loại 128G;

Kết luận định giá tài sản số 38/KL-ĐGTS ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản theo tổ tụng huyện Văn Bàn, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, BKS: 24B1 - 938.47, trị giá là 28.980.000đ.

Bản cáo trạng số 06 ngày 27/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố bị cáo Lục Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lục Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án tóm tắt nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lục Văn Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lục Văn Th mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Không áp dụng phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng, án phí tuyên theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn H số tiền 8.200.000đ.

Bị hại: Đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Lục Văn Th tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 15/12/2020, Lục Văn Th đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 24B1 - 938.47 màu xanh bạc của anh Lương Văn N, đến ngày 16/12/2020, Th một mình điều khiển chiếc xe xuống xã A Th, huyện V Y, tỉnh Y B, bán cho anh Phạm Văn H với giá 17.000.000đ. Theo kết luận định giá tài sản thì chiếc xe mô tô nêu trên có giá trị 28.980.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đối với anh Phạm Văn H đã mua chiếc xe mô tô, anh H không biết tài sản là do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự, thể hiện bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh trước pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Sau khi cân nhắc các căn cứ quyết định hình phạt như đã phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và lấy đó làm bài học cho công tác đấu

tranh phòng, chống tội phạm. Đối với mức án Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại anh Lương Văn N sau khi nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô bị mất, không yêu cầu bị cáo Lục Văn Th phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn H: Sau khi nhận lại số tiền 5.500.000đ và 01 chiếc điện thoại Oppo A53 trị giá 3.300.000đ, tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 8.200.000đ. Xét thấy, anh H đã bỏ ra số tiền 17.000.000đ để mua chiếc xe máy nêu trên nên yêu cầu của anh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc BKS: 24B1 – 938.47; 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe mang tên Lương Văn N, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lương Văn N, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

- Đối với số tiền 5.500.000đ và 01 chiếc điện thoại Oppo A53 loại 128G màu đen, quá trình điều tra xác định là tiền mà Th bán chiếc xe cho anh Phạm Văn H mà có, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lục Văn Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lục Văn Th 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 16/12/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 579, 580, 585 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lục Văn Th phải bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền 8.200.000đ (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lục Văn Th phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm; 410.000đ (*Bốn*

trăm mười nghìn đồng) tiền án phí tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Lục Văn Th phải chịu 610.000đ (Sáu trăm mười nghìn đồng) tiền án phí.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện (02);
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- THA HS (03);
- THA DS (01);
- Lưu HS; LĐ, TP, VP, KT (05).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Ngọc Long